

Bản án số: 224/2019/HC-PT

Ngày: 10/9/2019

*V/v: Tranh chấp yêu cầu hủy Quyết
định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nho, *Kiểm sát viên cao cấp.*

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thủ lý số 54/2019/TLPT-HC ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “*Yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8417/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa:

Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958;

- Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Xóm 12, xã Y, thành phố Z, tỉnh H.

Người đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A3.

Có mặt ông A, bà A1, bà A3.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Z, tỉnh H.

Người đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 4890/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Z). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố Z, tỉnh H.

Người đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, Công chức địa chính – Xây dựng, Nông nghiệp và Môi T UBND xã Y. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A và vợ là bà Nguyễn Thị A1 trình bày:

Trước ngày 18/12/1980, vợ chồng ông A, bà A1 được Hợp tác xã Q xã Y cấp đất làm nhà ở, thửa đất theo đo đạc thực hiện Chỉ thị 299 là thửa số 331, tờ bản đồ số 7, diện tích 642m² (tờ bản đồ số 27 xã Y đo đạc năm 2017 là thửa đất số 213). Ông bà đã làm nhà và sinh sống ổn định đến năm 1993, do cơn bão mạnh làm đổ nhà, chỉ còn lại móng nhà; tài sản bị ngập lụt hư hỏng nên gia đình chuyển vào xóm 12 ở đến nay.

Cuối năm 2008, gia đình ông, bà có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y, Ủy ban nhân dân thành phố Z để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã Y đã xác nhận nội dung kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng chủ sử dụng đất ở, sử dụng ổn định từ trước ngày 18/12/1980, đã xây nhà ở, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, không có đơn khiếu nại liên quan đến đất, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được phê duyệt đúng quy định, nhưng do chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình không tiếp tục xây nhà ở kiên cố và nhiều lần có hỏi thì được trả lời là đất nằm trong phạm vi quy hoạch đường Z - P nên không được cấp giấy chứng nhận và sẽ bồi thường sau.

Đến ngày 27/11/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Z lập biên bản xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đất nông nghiệp và ngày 02/3/2018 ban hành Quyết định số 1241/QĐ-UBND về việc thu hồi 685m² đất của các hộ gia đình để thực hiện dự án: Đường giao thông nối Z- P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z, tỉnh H (trong đó có thửa đất của ông bà) và Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Z về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối Z - P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z, tỉnh H. Các quyết định này đã làm thiệt hại quyền lợi của gia đình ông A bà A1 vì xác định đất của gia đình là đất nông nghiệp trong khi thực tế là đất ở. Do đó, ông A, bà

A1 yêu cầu Tòa án hủy phần các Quyết định liên quan đến thu hồi, bồi thường đối với gia đình ông, bà.

Đại diện UBND thành phố Z trình bày:

Giấy xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã Y lập ngày 02/11/2017 có nội dung thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 xã Y, thành phố Z, tỉnh H của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 có nguồn gốc là đất được Hợp tác xã Q cấp sau ngày 18/12/1980, đã xây dựng nhà ở tại vị trí này; nhưng gia đình chỉ ở một thời gian (không rõ thời điểm cụ thể) nhưng sau đó khoảng năm 1993, chuyển về ở trên thửa đất thổ cư của bố mẹ và không sử dụng vào mục đích đất ở trồng cây lâu năm (cây keo) đến thời điểm thu hồi đất năm 2017 nên không đủ điều kiện được bồi thường với giá đất ở.

Ủy ban nhân dân thành phố Z đã thực hiện thủ tục thu hồi đất, lập phương án và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng quy định hiện hành, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giữ nguyên các Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018.

Người đại diện của Ủy ban nhân dân xã Y trình bày:

Hộ ông A bà A1 được Hợp tác xã Q cấp đất để làm nhà ở sau ngày 18/12/1980 và trước ngày 15/10/1993, gia đình đã làm nhà ở tại thửa đất này một thời gian, sau đó trước ngày 15/10/1993 chuyển về đất thổ cư của bố mẹ làm nhà ở. Hiện trạng thửa đất không sử dụng vào mục đích đất ở mà đang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1993 đến nay. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giữ nguyên các Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND thành phố Z.

Tại bản án sơ hành chính thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 26/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 18; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1:

- Hủy một phần Quyết định 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018, về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối Z - P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z (đất ở, đất nông nghiệp đợt 1). Hủy phần thu hồi 685,0m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 tại xóm 12, xã Y, của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

- *Hủy Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/03/2018, về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án: Đường giao thông nội Z - P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z đối với ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thi Hoa.*

Buộc cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- *Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc UBND thành phố Z phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả ông Nguyễn Văn A 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.*

Trong thời hạn luật định, Ủy ban nhân dân thành phố Z có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: 1. Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 99/GXN-UBND ngày 23/8/2011 của UBND xã Y, hóa đơn nộp thuế nhà đất đến năm 2011 không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013; 2. Các nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Y năm 2001, 2017 chỉ khác nhau về thời điểm sử dụng đất, nhưng xác nhận năm 2011 UBND xã chưa thực hiện việc lấy ý kiến của những người cùng cư trú; 3. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003 là không đúng với T hợp sử dụng đất của gia đình ông A.

Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện không thay đổi, rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn A xác định gia đình ông được Hợp tác xã cấp đất ở, đã sử dụng làm nhà ở nhưng do bão nên nhà không còn và cung cấp bản sao tờ bản đồ lập năm 1985 có xác nhận sao y từ sổ gốc ngày 05/8/2019, cung cấp thêm các hồ sơ đo vẽ địa chính sau năm 2011, Trích lục bản đồ địa chính đo vẽ năm 2014,... Ông A xác nhận có nộp thuế đất vườn cho Hợp tác xã đến 2003, nộp thuế nhà đất đến năm 2011. Ông có nhu cầu làm nhà tại thửa đất đã được cấp và đã nhiều lần có đơn nhưng UBND không chấp nhận nên chưa làm được nhà, đến nay móng nhà cũ vẫn còn dưới đất. Nhà đất hiện ông đang ở là do được thừa kế. Hồ sơ ông xin cấp GCNQSD đất năm 2011 đủ điều kiện xác định là đất ở nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Z trình bày: Ông A không có giấy tờ gì theo quy định của Luật đất đai về quyền sử dụng đất, không có giấy tờ giao đất và đất được giao thuộc T hợp giao trái thẩm quyền, nên tuy có sử dụng làm nhà ở trước 1993 nhưng không sử dụng đất ổn định liên tục để ở từ năm 1993 nên không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất ở vào năm 2011 theo quy định của Luật đất đai 2003, nên hồ sơ do UBND xã trình UBND huyện đề nghị cấp

GCNQSDĐ cho ông A lập năm 2011, chưa được UBND huyện là cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp nhận. Hồ sơ địa chính thửa đất của ông A từ trước đến khi thu hồi đất đều ghi mục đích sử dụng là đất nông nghiệp nên việc cán bộ thuế tự ý truy thu thuế nhà đất từ 1995 đến 2011 là không đúng quy định. Ông A đã có thửa đất ở khác cũng tại xóm 12, đã được cấp GCNQSDĐ đất năm 2004, gia đình chỉ kê khai và nộp thuế đất ở đối với thửa đất này. UBND tỉnh H đã phê duyệt quy hoạch làm đường từ năm 2008 nên khi thu hồi đất năm 2017, quyền sử dụng đất hợp pháp của người dân vẫn được bảo đảm. Ngoài ra, T hợp của ông A không sử dụng đất ở liên tục như hộ ông T, bà Y,...do các hộ này đều sử dụng làm nhà ở trên đất đến thời điểm kê khai cấp GCNQSDĐ năm 2011, khi thu hồi đất các hộ này được công nhận là đất ở cũng chỉ theo hạn mức 150m²/ hộ gia đình và phải nộp tiền sử dụng đất. Do đó, UBND thành phố Z đã áp dụng đúng các quy định của Luật đất đai và áp dụng đúng Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh H, xác định đất thu hồi của ông A là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của Luật đất đai và Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A. Đại diện UBND thành phố Z cũng xác nhận trong quá trình thu hồi đất, UBND thành phố Z thấy một số T hợp tương tự hộ gia đình ông A có thửa đất vườn không cùng thửa đất ở trong khu dân cư chỉ được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp nên đã đề nghị UBND tỉnh xem xét vận dụng hỗ trợ thêm theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật đất đai 2013 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Đại diện UBND xã Y trình bày: Tài liệu mà ông A mới cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm và ông cho rằng là bản đồ lập 1985 ghi thửa đất của ông là đất ở nhưng lại quá mờ nhạt, không đọc được, nội dung xác nhận của UBND xã vào tài liệu cũng không thể hiện đó là bản đồ năm 1985. Mặt khác, bản đồ địa chính không phải giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Sở theo dõi đất vườn tạp hộ xã viên của Hợp tác xã Q lập năm 2008 do ông A xuất trình nộp (có nội dung ông A có 646m² đất vườn trừ 200m² đất ở) là không có giá trị do Hợp tác xã Q không có thẩm quyền xác nhận loại đất, không có thẩm quyền thu thuế sử dụng đất. Trước đây, UBND xã có lập Giấy xác nhận nguồn gốc đất năm 2011 nhưng không có căn cứ nên sau này năm 2017 đã phải làm lại theo đúng quy định và đã xác định là đất sử dụng liên tục ổn định với mục đích trồng cây lâu năm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông A đã xây dựng nhà ở trên thửa đất có nguồn gốc được Hợp tác xã cấp trước ngày 15/10/1993. Theo bản đồ 299 đã thể hiện là thửa 331 diện tích 642m² là đất ở, bản đồ 1993 là thửa 233 đất thổ cư (T). Theo hồ sơ địa chính năm 2001 là thửa 21 loại đất màu. Do thiên tai nên gia đình ông mới phải chuyển về nhà đất của cha mẹ để ở, từ năm 2003 ông đã có đơn đề nghị UBND xã xác nhận là đất ở, được chủ nhiệm Hợp tác xã qua các thời kỳ xác nhận cấp đất ở, trong đó thửa đất có diện tích 646m² có 200m² đất ở. Ông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đến năm 2011. Ngoài ra, ông có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 99 ngày 23/8/2011 của UBND xã Y và hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ năm 2011 của UBND xã Y... Các tài liệu trên đều xác lập trước khi có chủ trương thu hồi đất, lập phương án bồi thường, đã phản ánh khách quan trung thực diễn biến sự việc nên căn cứ khoản 2, 3, 4 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP xác định gia đình ông A sử dụng ổn định thửa đất từ trước ngày 15/10/1993. Đây là những giấy tờ hợp pháp được quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003 (Điều 100 Luật đất đai 2013). Ngoài ra, còn có những người làm chứng là ông N, bà P, bà K,...xác nhận nguồn gốc đất 4 hộ gia đình ông A, ông Đ, bà Y, ông T là đất thổ cư đã có nhà ở. Thực tế 3 hộ này đều được lập phương án đền bù là đất ở. Trên đất còn có móng nhà của ông A và chưa có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trước khi nhà nước thu hồi đất làm đường.

Do đó, UBND thành phố Z chỉ căn cứ là Giấy xác nhận nguồn gốc đất lập ngày 02/11/2017 để xác định thửa đất của ông A là đất nông nghiệp là không đúng, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của ông A, bà A1. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1 là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Z, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013, UBND thành phố Z là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ gia đình, cá nhân. Tòa án nhân dân thành phố Z đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đối với Quyết định số 1241/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường giao thông nối Z - P và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 ban hành về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đều của Ủy ban nhân dân thành phố Z (phần liên quan đến hộ

ông Nguyễn Văn A) đúng quy định tại Điều 204, khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 33, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo của người bị kiện hợp lệ đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Z:

[2.1] Ông A, bà A1 cho rằng được Hợp tác xã Q cấp đất ở, nhưng không xuất trình được giấy tờ gì. Bản đồ địa chính đo đạc theo chỉ thị 299 lập năm 1986, tại văn bản số 219/UBND-ĐC ngày 15/7/2019, UBND xã Y xác định bản đồ 1985 chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cũng không phải loại giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất đến khi thu hồi, ông A không có 1 trong các loại giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003 (Điều 100 Luật đất đai 2013), cũng không có giấy tờ xác định loại đất đang sử dụng là đất ở quy định tại Điều 11 Luật đất đai 2013.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) “*T hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*”, UBND thành phố Z có trách nhiệm xác định loại đất để ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường cho hộ ông A đúng quy định của pháp luật.

- Điều 100 Luật đất đai 2013 (Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai 2003) đều quy định về cấp GCNQSDĐ đối với đất có nhà ở gắn liền với đất, đều quy định cấp GCNQSD đất đối với người đang sử dụng đất ổn định.

- Điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) : “*T hợp đang sử dụng đất ổn định, mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng*”; quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “. *Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp GCNQSD đất hoặc đến thời điểm thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với T hợp chưa cấp GCNQSD đất...*” (Trước đây là Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 24/5/2007).

[2.2] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng của hộ gia đình ông A, thấy rằng:

- Ông A, bà A1 trình bày đã xây dựng nhà ở tại thửa đất một thời gian đến khoảng năm 1993 nhưng do bão đổ nhà không còn nên để trống hoặc chỉ trồng cây đến thời điểm thu hồi năm 2017.

Thực tế quá trình sử dụng đất với mục đích trồng cây của hộ gia đình đã được thể hiện tại hồ sơ địa chính do chính quyền xác lập (*sổ mục kê đo đạc 1993, bản đồ 2001; Trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính phục vụ cấp GCN năm 2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, bản đồ đo đạc cấp GCN lập 2014 của Sở TNMT* - tài liệu do đại diện người khởi kiện cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm); phù hợp với đơn đề ngày 25/4/2004 của ông A (*cùng với hộ bà T, bà Y, ông Đ, đề nghị chính quyền xác định thửa đất của mình là đất vườn theo đúng loại thuế vẫn nộp chứ không phải đất trồng lúa*), phù hợp Biên bản xác định thửa đất lập ngày 24/11/2011 có chữ ký của ông A; phù hợp nội dung UBND xã Y xác nhận tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 25/8/2011 đề nghị UBND thành phố Z chỉnh lý bản đồ địa chính 2001 (*ghi mục đích sử dụng là đất màu (ĐM) với lý do ông A không sử dụng đất liên tục đến khi đo đạc bản đồ địa chính 2001*).

- Việc nộp thuế sử dụng nhà đất của ông A theo Giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà đất (bút lục 30):

Tại văn bản số 1803 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thuế thành phố Z xác định việc thu này do ông D cán bộ ủy nhiệm thu thuế xã Y truy thu theo chỉ đạo của ông N, Phó Đội trưởng Đội thuế xã Y là sai quy định tại khoản a điểm 1 phần I Thông tư số 83/1994; đồng thời xác nhận hộ ông A chỉ kê khai thuế thửa đất gia đình đang ở với diện tích 150m² và theo bộ thuế sử dụng đất phi nông từ năm 2012 đến 2019 là thửa số 196 tờ bản đồ 26 diện tích chịu thuế là 230,8m² cũng tại xóm 12 có nhà gia đình đang ở.

Tại văn bản số 219/UBND-ĐC ngày 15/7/2019, UBND xã Y xác định việc truy thu thuế đất ở 7 năm đối với thửa 213 tờ bản đồ 27 là không đúng do thửa đất không có tên trong Bộ thuế nhà đất hàng năm và việc thu thuế nhà đất phải được thực hiện hàng năm. Do ông A trực tiếp làm việc với cán bộ thuế để nộp chứ UBND xã không có thông báo về việc nộp thuế.

[2.3] Theo danh sách đề nghị cấp GCNQSDĐ do UBND xã Y lập ngày 10/9/2013 (bút lục 145b) thì các hộ dân khác trong khu vực (hộ ông Đ, hộ bà T, bà Y) tuy có cùng nguồn gốc như hộ ông A, bà A1 nhưng 3 hộ này đều đã sử dụng đất liên tục làm nhà ở trên một phần thửa đất đến thời điểm khai năm 2011; còn hộ ông A không ở, trên đất không còn nhà ở từ năm 1993 đến nay. Do đó khi thu hồi đất của hộ ông A và các hộ này, UBND thành phố Z đã áp dụng các quy định khác nhau của Luật đất đai để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người có đất thu hồi, không phải tương tự như nhau như Bản án sơ thẩm đã nhận định để làm căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

[2.4] Căn cứ quy định của Luật đất đai và thực tế sử dụng đất nêu trên của ông A, bà A1, UBND thành phố Z xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp và ban

hành Quyết định thu hồi và Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho gia đình theo loại đất này là phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2003, 2013.

Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào việc gia đình ông A đã đứng tên trong bản đồ 299, đã làm nhà ở và hiện trên đất vẫn còn móng nhà, do hoàn cảnh khách quan nên không sử dụng để ở nhưng vẫn đủ điều kiện cấp GCNQSD đất ở,... từ đó chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là không đủ cơ sở, không phù hợp với quy định của Luật đất đai. Ngoài ra, Xã Y cũng không phải vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi, hải đảo nên không thuộc T hợp áp dụng khoản 3 Điều 50 Luật đất đai 2003 hay khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013 như bản án sơ thẩm viện dẫn.

[3] UBND thành phố Z đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông A tổng bồi thường về đất và hỗ trợ 2 lần giá đất nông nghiệp là 235.950.760 đồng theo đúng quy định tại Điều 23 Quyết định số 58/2015/QĐ/UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh H.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật đất đai, Điều 25 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh có thẩm quyền quy định hỗ trợ khác đối với người có đất thu hồi tùy theo điều kiện hoàn cảnh địa tình hình kinh tế địa phương. Xem xét thực tế nhiều hộ dân khác trên toàn thành phố có thửa đất thuộc khu dân cư nhưng không thuộc thửa đất có đất ở (trong đó hộ ông A đã có một thời gian làm nhà ở trên đất trước năm 1993 nhưng do bão đổ không ở nữa và đã kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ từ năm 2011 với mục đích đất ở), nên UBND thành phố Z đã có nhiều văn bản đề nghị UBND tỉnh H xem xét vận dụng hỗ trợ thêm khi thu hồi theo Điều 27 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh H. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND thành phố Z xác nhận cũng đã tiếp tục có văn bản đề nghị UBND tỉnh H xem xét vận dụng xem xét hỗ trợ thêm cho hộ ông A.

Do đó, không có cơ sở xác định Quyết định 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 và Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND thành phố Z là quyết định trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, bà A1, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy các quyết định này.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A không cung cấp được giấy tờ hợp pháp gì chứng minh thửa đất đã được công nhận là đất ở. Ủy ban nhân dân thành phố Z đã cung cấp bổ sung chứng cứ và Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu theo quy định.

Án phí phúc thẩm: Cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; Điều 242; Điều 348, khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Z, tỉnh H. Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính;

- Áp dụng Điều 10, Điều 11, Điều 62, khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69, Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017):

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 về việc yêu cầu hủy Quyết định 1241/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 “Về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối Z - P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z (đất ở, đất nông nghiệp đợt 1)” phần thu hồi 685,0m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 tại xóm 12, xã Y, của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 và yêu cầu hủy Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 “Về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án: Đường giao thông nối Z - P (giai đoạn 1) đoạn qua xóm 12, xã Y, thành phố Z” phần bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Hoa.

2. Án phí hành chính:

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ đi số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000734 ngày 11/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Hoàn trả UBND thành phố Nghệ An 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000963 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/9/2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND tỉnh H;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Vân Hương

- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.